



**Công ty Liên doanh Quản lý  
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank**

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2021



**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy phép Thành lập  
và Hoạt động số**

06/UBCK-GPHĐQLQ

ngày 2 tháng 12 năm 2005

Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 17/GPĐC-UBCK ngày 9 tháng 2 năm 2018. Giấy phép Thành lập và Hoạt động do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 30 năm.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Avinash Deepak Satwalekar  
Bà Phạm Thị An Bình  
Ông Stephen Grundlingh  
Ông Bùi Sỹ Tân  
Ông Vũ Quang Đông

Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Điều hành**

Ông Vũ Quang Đông  
Ông Bùi Sỹ Tân

Tổng Giám đốc Điều hành  
Phó Tổng Giám đốc Điều hành

**Trụ sở đăng ký**

Vietcombank Tower, Tầng 15  
198 Trần Quang Khải  
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Báo cáo của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Điều hành Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 34 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Điều hành  
  
Nguyễn Quang Đông  
Tổng Giám đốc Điều hành

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2021



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Nhà đầu tư  
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 34.

### **Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam  
Báo cáo soát xét số: 21-02-00168-21-1



Đàm Xuân Lâm  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0861-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2021

Phạm Huy Cường  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2675-2019-007-1



**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B01a – CTQ**  
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
<b>TÀI SẢN</b>					
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	<b>100</b>		<b>277.893.156.149</b>	<b>282.828.624.214</b>
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>7</b>	<b>127.267.767</b>	<b>4.614.642.762</b>
1	Tiền	111		127.267.767	4.614.642.762
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>8</b>	<b>263.671.321.831</b>	<b>250.628.822.654</b>
1	Đầu tư ngắn hạn	121		263.671.321.831	250.628.822.654
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>13.427.278.323</b>	<b>26.529.808.209</b>
1	Trả trước cho người bán	132		541.296.800	-
2	Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	9	5.630.741.094	22.618.182.095
3	Các khoản phải thu khác	135	10	7.255.240.429	3.911.626.114
<b>IV</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>667.288.228</b>	<b>1.055.350.589</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		517.041.864	981.779.970
2	Tài sản ngắn hạn khác	158		150.246.364	73.570.619
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>44.491.224.450</b>	<b>45.031.447.022</b>
<b>I</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.542.540.392</b>	<b>4.071.521.676</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	11	2.105.301.936	2.421.920.018
	- Nguyên giá	222		6.576.413.239	6.576.413.239
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.471.111.303)	(4.154.493.221)
2	Tài sản cố định vô hình	227	12	1.437.238.456	1.649.601.658
	- Nguyên giá	228		4.491.662.895	4.491.662.895
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.054.424.439)	(2.842.061.237)
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>40.000.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>
1	Đầu tư dài hạn khác	251	13	40.000.000.000	40.000.000.000
<b>III</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>948.684.058</b>	<b>959.925.346</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261		37.470.972	48.712.260
2	Tài sản dài hạn khác	268	14	911.213.086	911.213.086
	<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>322.384.380.599</b>	<b>327.860.071.236</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B01a – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>					
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>		<b>4.053.460.594</b>	<b>10.026.454.095</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.053.460.594</b>	<b>10.026.454.095</b>
1	Phải trả người bán	312		-	96.266.000
2	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	1.199.451.152	1.723.995.342
3	Phải trả người lao động	315		166.836.359	1.940.679.601
4	Chi phí phải trả	316		177.166.521	4.941.942.704
5	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		6.653.894	6.529.613
6	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.503.352.668	1.317.040.835
<b>B</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>318.330.920.005</b>	<b>317.833.617.141</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	16	265.000.000.000	265.000.000.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	417		4.301.548.849	4.301.548.849
3	Quỹ dự phòng tài chính	418		4.100.368.084	4.100.368.084
4	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.211.433.887	1.211.433.887
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		43.717.569.185	43.220.266.321
	<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>322.384.380.599</b>	<b>327.860.071.236</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B01a – CTQ**  
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
1	Ngoại tệ các loại	005		10.645.981	13.595.035
2	Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ	020		118.520.557.600	118.520.557.600
3	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	23	90.899.987.377	51.691.857.644
3.1	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		90.879.221.859	49.771.890.005
3.2	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		20.765.518	1.919.967.639
4	Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	24	1.999.799.256.714	1.629.347.962.860
4.1	Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		1.457.171.606.454	1.100.421.047.060
4.2	Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042		542.627.650.260	528.926.915.800
5	Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	25	22.341.051.416	24.518.760.698
6	Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	26	5.610.630.576	30.648.077.014

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Ngô Thị Lệ Quyên  
Kế toán viên

Người kiểm tra:



Nguyễn Băng Tâm  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Quang Đông  
Tổng Giám đốc Điều hành

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B02a – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
1 Doanh thu	01	17	18.709.200.402	18.996.708.144
2 Chi phí hoạt động kinh doanh	11	18	8.273.088.341	6.988.706.912
3 Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 01 - 11)	20		10.436.112.061	12.008.001.232
4 Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	6.395.684.757	7.709.686.163
5 Chi phí tài chính	22	20	4.652.993	1.729.051
6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21	11.773.891.868	11.785.852.283
7 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25)	30		5.053.251.957	7.930.106.061
8 Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30)	50		5.053.251.957	7.930.106.061
9 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	1.026.449.093	1.605.912.554
10 Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		4.026.802.864	6.324.193.507

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Người lập:

Người kiểm tra:

Người duyệt:



Ngô Thị Lệ Quyên  
Kế toán viên



Nguyễn Băng Tâm  
Kế toán trưởng



Vũ Quang Đông  
Tổng Giám đốc Điều hành

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (Phương pháp trực tiếp)**

**Mẫu B03a – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

Chi tiêu	Mã Thuyết số minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	35.767.555.151	21.795.540.682
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(6.621.869.772)	(6.267.846.678)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(15.859.750.752)	(10.486.847.768)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.402.108.135)	(969.633.530)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	435.343.288	218.598.882
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(6.814.225.899)	(5.477.696.138)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>5.504.943.881</b>	<b>(1.187.884.550)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(27.739.422.296)	(13.000.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác	24	12.653.370.508	7.725.616.984
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.863.587.500	-
5. Tiền thu lãi tiền gửi	27	2.230.212.521	285.952.299
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(9.992.251.767)</b>	<b>(4.988.430.717)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20 + 30)	<b>50</b>	<b>(4.487.307.886)</b>	<b>(6.176.315.267)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>4.614.642.762</b>	<b>6.834.334.677</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>(67.109)</b>	<b>6.492</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b> (70 = 50 + 60 + 61)	<b>70</b>	<b>127.267.767</b>	<b>658.025.902</b>

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Ngô Thị Lệ Quyên  
Kế toán viên

Người kiểm tra:



Nguyễn Băng Tâm  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Vũ Quang Đông  
Tổng Giám đốc Điều hành

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
**Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B05a – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)


Chỉ tiêu	Số dư đầu kỳ		Số tăng/(giảm) trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
	1/1/2020	1/1/2021	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021	30/6/2020	30/6/2021
	VND	VND	Tăng VND	Giảm VND (*)	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	265.000.000.000	265.000.000.000	-	-	265.000.000.000	265.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	4.301.548.849	4.301.548.849	-	-	4.301.548.849	4.301.548.849
Quỹ dự phòng tài chính	3.073.673.656	4.100.368.084	-	-	3.073.673.656	4.100.368.084
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	184.739.459	1.211.433.887	-	-	184.739.459	1.211.433.887
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	27.269.266.625	43.220.266.321	6.324.193.507	4.026.802.864	(3.529.500.000)	33.593.460.132
	<b>299.829.228.589</b>	<b>317.833.617.141</b>	<b>6.324.193.507</b>	<b>4.026.802.864</b>	<b>(3.529.500.000)</b>	<b>318.330.920.005</b>

(\*) Khoản giảm lợi nhuận sau thuế trong kỳ là khoản trích lập trích quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 3.529.500.000 VND.

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Người lập:

Người kiểm tra:

  
 Ngô Thị Lệ Quyên  
 Kế toán viên

  
 Nguyễn Băng Tâm  
 Kế toán trưởng



Vũ Quang Đông  
 Tổng Giám đốc Điều hành

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B09a – CTQ**  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank (“Công ty”) là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam. Các đối tác liên doanh của Công ty là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”) (thành lập tại Việt Nam) và Franklin Templeton Capital Holdings Private Limited (thành lập tại Singapore) với tỷ lệ vốn chủ sở hữu lần lượt là 51% và 49%.

Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 06/UBCK-GPHDQLQ ngày 2 tháng 12 năm 2005 với thời gian hoạt động là 30 năm. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 17/GPĐC-UBCK ngày 9 tháng 2 năm 2018.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là thành lập, quản lý các quỹ đầu tư; và quản lý danh mục đầu tư. Công ty đang quản lý ba quỹ là Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF, Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF và Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Số lượng nhân viên**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 42 nhân viên (31/12/2020: 43 nhân viên).

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ (“Thông tư 125”) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Các chính sách kế toán này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận chung ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận chung ở các quốc gia và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này của Công ty được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với những chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

#### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua/tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

#### **(c) Các khoản đầu tư**

##### **(i) Đầu tư vào chứng chỉ quỹ**

Các khoản đầu tư vào chứng chỉ quỹ, bao gồm chứng chỉ quỹ mở, được ghi nhận ban đầu theo giá mua thực tế cộng với các chi phí mua (giá gốc); sau đó, được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng giảm giá được lập khi giá trị tài sản ròng (NAV) của khoản đầu tư tính theo tỷ lệ vốn góp vào quỹ giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá trị tài sản ròng của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

##### **(ii) Các khoản đầu tư khác**

Các khoản đầu tư khác bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên ba tháng và trái phiếu do các tổ chức khác phát hành. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng (nếu có).

#### **(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi (nếu có).

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

**(e) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ thiết bị văn phòng	3 năm
▪ phương tiện vận chuyên	6 năm

**(f) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

**(ii) Phí hội viên câu lạc bộ chơi gôn**

Phí hội viên câu lạc bộ chơi gôn được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm.

**(g) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

**(h) Dự phòng**

Ngoài các khoản dự phòng được trình bày ở Thuyết minh 3(c) và 3(d), một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(i) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(j) Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

**(k) Các quỹ dự trữ**

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014, lợi nhuận thực hiện của công ty quản lý quỹ sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối như sau:

	<b>Tỷ lệ trích lập hàng năm</b>	<b>Số dư tối đa</b>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ



**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập nhằm phục vụ việc bổ sung vốn điều lệ của Công ty trong trường hợp cần thiết. Quỹ dự phòng tài chính được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh. Các quỹ dự trữ bắt buộc này không được phép phân phối và được trình bày như một phần của vốn chủ sở hữu.

Quỹ đầu tư phát triển được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty. Quỹ được phân bổ vào cuối năm theo quyết định của Công ty và được phép phân phối.

**(l) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Phí quản lý**

Phí quản lý được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích, phí quản lý được tính trên vốn cam kết hoặc giá trị tài sản ròng của danh mục đầu tư ủy thác hoặc giá trị tài sản ròng của mỗi quỹ.

**(ii) Phí tư vấn đầu tư**

Phí tư vấn đầu tư được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng tư vấn đầu tư.

**(iii) Phí thường hoạt động**

Phí thường hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi có phát sinh, nếu giá trị tài sản ròng của danh mục ủy thác tăng cao hơn mức cơ bản được quy định trong hợp đồng ủy thác đầu tư.

**(iv) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(v) Lãi từ hoạt động đầu tư chứng chỉ quỹ**

Lãi từ hoạt động đầu tư chứng chỉ quỹ được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng chỉ quỹ.

**(m) Thuê tài sản**

***Các khoản thanh toán thuê hoạt động***

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.



**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

**(n) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các nhà đầu tư và các quỹ Công ty đang quản lý.

**(o) Số dư bằng không**

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư 125 không được thể hiện trên báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**4. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán của Công ty khi lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này so với báo cáo tài chính năm gần nhất.

**5. Các khoản mục bất thường**

Đại dịch Covid-19 được xác nhận lần đầu tiên tại Việt Nam tại ngày 23 tháng 1 năm 2020 và đã ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế và xã hội Việt Nam. Đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp ở nhiều ngành nghề khác nhau. Chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp ngăn chặn và phòng ngừa, trong đó nổi bật là việc thực hiện cách ly xã hội và đang từng bước đẩy mạnh tiêm chủng toàn dân. Tuy nhiên, sự lây lan và phát triển của dịch bệnh tại Việt Nam đang diễn ra hết sức phức tạp. Mức độ ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào diễn biến của dịch bệnh trong tương lai bao gồm thời gian và mức độ lây lan của dịch bệnh mà các thông tin này không thể dự đoán chắc chắn được tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**6. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty**

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 so với báo cáo tài chính năm gần nhất.

2011  
CÔN  
H NH  
K P  
Ứ LI

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

**7. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
Tiền mặt	4.814.719	4.814.719
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	122.453.048	4.609.828.043
	127.267.767	4.614.642.762

**8. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
Đầu tư vào chứng chỉ quỹ (i)	78.634.639.970	78.634.639.970
Tiền gửi tại ngân hàng (ii)	182.951.464.901	171.994.182.684
Trái phiếu (iii)	2.085.216.960	-
	263.671.321.831	250.628.822.654

(i) Chi tiết các khoản đầu tư vào chứng chỉ quỹ như sau:

	30/6/2021		31/12/2020	
	Số lượng	Giá trị ghi sổ VND	Số lượng	Giá trị ghi sổ VND
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF ("VCBF-TBF")	1.409.027,88	14.146.639.985	1.409.027,88	14.146.639.985
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF ("VCBF-BCF")	1.443.027,88	14.487.999.985	1.443.027,88	14.487.999.985
Quỹ Đầu tư Trái phiếu ("VCBF-FIF")	5.000.000,00	50.000.000.000	5.000.000,00	50.000.000.000
	7.852.055,76	78.634.639.970	7.852.055,76	78.634.639.970

(ii) Phản ánh các khoản tiền gửi tại ngân hàng bằng VND có kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi, kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán và hưởng lãi suất năm từ 4,8% đến 8,6% (31/12/2020: từ 4,9% đến 7,6%).

(iii) Phản ánh khoản đầu tư của Công ty vào trái phiếu do tổ chức kinh tế phát hành bằng VND với kỳ hạn 3 năm và hưởng lãi suất là 8,78%/năm tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

**9. Phải thu hoạt động nghiệp vụ**

	<b>30/6/2021</b>	<b>31/12/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phí quản lý phải thu	5.161.192.025	4.082.216.182
Phải thu phí thưởng hoạt động	-	17.996.297.038
Phải thu phí tư vấn đầu tư	343.800.000	418.272.727
Phải thu khác từ hoạt động nghiệp vụ	125.749.069	121.396.148
	<b>5.630.741.094</b>	<b>22.618.182.095</b>

**10. Các khoản phải thu khác**

	<b>30/6/2021</b>	<b>31/12/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng	6.596.891.559	3.600.357.911
Lãi phải thu từ trái phiếu	623.502.741	278.684.926
Các khoản phải thu khác	34.846.129	32.583.277
	<b>7.255.240.429</b>	<b>3.911.626.114</b>

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

**11. Tài sản cố định hữu hình**

<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	2.542.542.025	4.033.871.214	6.576.413.239
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	2.060.236.673	2.094.256.548	4.154.493.221
Khấu hao trong kỳ	99.950.996	216.667.086	316.618.082
Số dư cuối kỳ	2.160.187.669	2.310.923.634	4.471.111.303
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	482.305.352	1.939.614.666	2.421.920.018
Số dư cuối kỳ	382.354.356	1.722.947.580	2.105.301.936
<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	2.723.823.825	4.156.246.214	6.880.070.039
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	2.578.987.933	3.050.116.216	5.629.104.149
Khấu hao trong kỳ	59.598.829	122.903.334	182.502.163
Số dư cuối kỳ	2.638.586.762	3.173.019.550	5.811.606.312
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	144.835.892	1.106.129.998	1.250.965.890
Số dư cuối kỳ	85.237.063	983.226.664	1.068.463.727

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng là 3.448 triệu VND (31/12/2020: 3.377 triệu VND).

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC*  
*ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

**12. Tài sản cố định vô hình**

<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Phí hội viên câu lạc bộ chơi golf VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	2.913.134.895	1.578.528.000	4.491.662.895
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	1.789.284.902	1.052.776.335	2.842.061.237
Khấu hao trong kỳ	172.900.002	39.463.200	212.363.202
Số dư cuối kỳ	1.962.184.904	1.092.239.535	3.054.424.439
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	1.123.849.993	525.751.665	1.649.601.658
Số dư cuối kỳ	950.949.991	486.288.465	1.437.238.456
<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>			
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	2.913.134.895	1.578.528.000	4.491.662.895
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	1.443.484.898	973.849.935	2.417.334.833
Khấu hao trong kỳ	172.900.002	39.463.200	212.363.202
Số dư cuối kỳ	1.616.384.900	1.013.313.135	2.629.698.035
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	1.469.649.997	604.678.065	2.074.328.062
Số dư cuối kỳ	1.296.749.995	565.214.865	1.861.964.860

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng là 1.184 triệu VND (31/12/2020: 1.184 triệu VND).

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

**13. Đầu tư dài hạn khác**

Đầu tư dài hạn khác phản ánh khoản đầu tư của Công ty vào trái phiếu do các tổ chức tài chính phát hành bằng VND với kỳ hạn từ 7 đến 10 năm và hưởng lãi suất năm từ 6,9% đến 7,0%.

**14. Tài sản dài hạn khác**

Tài sản dài hạn khác phản ánh các khoản đặt cọc thuê văn phòng của Công ty.

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	770.779.799	1.146.438.841
Thuế thu nhập cá nhân	338.022.278	535.183.183
Thuế giá trị gia tăng	90.649.075	42.373.318
	1.199.451.152	1.723.995.342

**16. Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty là:

	30/6/2021 và 31/12/2020 VND	%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	135.150.000.000	51%
Franklin Templeton Capital Holdings Private Limited	129.850.000.000	49%
	265.000.000.000	100%

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

**17. Doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hoá đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Phí quản lý từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư (i)	13.085.529.887	14.355.172.536
Phí quản lý từ hoạt động quản lý quỹ (ii)	4.491.536.356	4.414.436.448
Phí thưởng hoạt động	182.667.027	-
Phí tư vấn đầu tư	625.431.819	-
Doanh thu khác	324.035.313	227.099.160
	<b>18.709.200.402</b>	<b>18.996.708.144</b>

- (i) Công ty đang quản lý danh mục đầu tư cho một số khách hàng. Công ty thu được phí quản lý tính trên vốn cam kết hoặc giá trị tài sản ròng của danh mục đầu tư được ủy thác.
- (ii) Công ty đang quản lý ba quỹ là Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF, Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF và Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF. Theo điều lệ quỹ, các quỹ phải trả cho Công ty phí quản lý tính trên giá trị tài sản ròng hàng ngày của mỗi quỹ và thanh toán hàng tháng.

**18. Chi phí hoạt động kinh doanh**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí nhân viên	6.097.653.170	4.929.028.133
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	1.227.834.383	1.098.482.705
Chi phí khấu hao tài sản cố định	178.066.338	197.749.159
Chi phí thưởng cho đại lý phân phối	166.724.439	237.659.272
Chi phí bảo hiểm	152.938.200	155.358.720
Chi phí khác	449.871.811	370.428.923
	<b>8.273.088.341</b>	<b>6.988.706.912</b>



**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

**19. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	5.006.682.010	7.687.043.552
Thu nhập lãi trái phiếu	1.389.002.747	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	22.642.611
	<b>6.395.684.757</b>	<b>7.709.686.163</b>

**20. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí hoạt động đầu tư	4.085.884	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	567.109	1.729.051
	<b>4.652.993</b>	<b>1.729.051</b>

**21. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí nhân viên	6.269.499.549	6.007.538.414
Chi phí thuê văn phòng	2.298.486.300	2.300.981.925
Chi phí tiếp tân, đối ngoại	400.195.746	305.672.141
Chi phí đi lại	177.159.847	164.533.228
Chi phí khấu hao tài sản cố định	350.914.946	197.116.206
Chi phí viễn thông	210.046.781	209.675.418
Chi phí thuế, phí và lệ phí	179.640.292	148.124.218
Chi phí khác	1.887.948.407	2.452.210.733
	<b>11.773.891.868</b>	<b>11.785.852.283</b>

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

**22. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí thuế hiện hành Kỳ hiện hành	1.026.449.093	1.605.912.554

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.053.251.957	7.930.106.061
Thuế theo thuế suất của Công ty	1.010.650.391	1.586.021.212
Chi phí không được khấu trừ thuế	15.785.280	19.892.640
Biến động của các chênh lệch tạm thời	13.422	(1.298)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1.026.449.093	1.605.912.554

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

**23. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác**

Biến động tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	51.691.857.644	47.231.705.668
Tăng trong kỳ – thuần	39.208.129.733	66.567.726.078
Số dư cuối kỳ	90.899.987.377	113.799.431.746

Chi tiết tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác bao gồm:

Mã nhà đầu tư ủy thác	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
AM16	36.230.193.288	23.987.782.984
AM20	20.765.518	1.919.967.639
AM30	14.201.954.911	6.503.154.436
AM32	9.066.256.491	8.683.388.505
AM33	6.857.378.067	3.630.134.471
AM34	4.326.915.692	-
AIAUL	4.565.546.025	6.083.265.659
AMI06	25.903.930	10.207.500
AMI07	163.194.915	163.306.019
AMI09	205.369.627	205.565.192
AMI10	158.046.648	158.153.295
AMI11	158.200.581	158.264.586
AMI12	64.572.490	54.563.892
AMI14	128.812.909	124.800.479
AMI15	12.156.275	8.202.987
AMI16	223.762	1.100.000
AMI17	784.145	-
AMI18	1.032.966.772	-
AMI19	1.584.838.630	-
AMI20	235.054.012	-
AMI21	269.227.748	-
AMI22	243.393.418	-
AMI23	243.393.418	-
AMI24	97.994.266	-
AMI27	2.886.276	-
AMI28	5.057.563	-
AMI29	10.998.900.000	-
	90.899.987.377	51.691.857.644

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

**24. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác**

30/6/2021	Nhà đầu tư ủy thác trong nước VND	Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài VND	Tổng cộng VND
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	1.069.968.905.340	-	1.069.968.905.340
<i>Chi tiết chứng khoán giảm giá:</i>			
VNM	37.796.478.261	-	37.796.478.261
CTD	884.287.000	-	884.287.000
BCM	5.780.000	-	5.780.000
SKG	31.115.989.086	-	31.115.989.086
CNG	12.291.566.490	-	12.291.566.490
DSN	4.562.279.236	-	4.562.279.236
NCT	44.127.305.520	-	44.127.305.520
NT2	44.411.535.601	-	44.411.535.601
PAC	8.723.482.527	-	8.723.482.527
SAB	9.580.614.400	-	9.580.614.400
POW	1.331.615.000	-	1.331.615.000
VGG	835.760.410	-	835.760.410
<b>Trái phiếu</b>	387.202.701.114	523.827.650.260	911.030.351.374
<b>Chứng chỉ tiền gửi</b>	-	18.800.000.000	18.800.000.000
	<b>1.457.171.606.454</b>	<b>542.627.650.260</b>	<b>1.999.799.256.714</b>

31/12/2020	Nhà đầu tư ủy thác trong nước VND	Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài VND	Tổng cộng VND
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	944.985.308.936	-	944.985.308.936
<i>Chi tiết chứng khoán giảm giá:</i>			
BSR	436.564.975	-	436.564.975
CNG	16.895.140.110	-	16.895.140.110
DSN	4.562.279.236	-	4.562.279.236
NCT	36.707.384.880	-	36.707.384.880
NT2	44.411.535.601	-	44.411.535.601
PAC	8.723.482.527	-	8.723.482.527
PTB	2.070.321.870	-	2.070.321.870
SKG	30.113.301.510	-	30.113.301.510
VHC	601.950.000	-	601.950.000
VIT	6.501.459.938	-	6.501.459.938
<b>Trái phiếu</b>	155.435.738.124	441.426.915.800	596.862.653.924
<b>Chứng chỉ tiền gửi</b>	-	87.500.000.000	87.500.000.000
	<b>1.100.421.047.060</b>	<b>528.926.915.800</b>	<b>1.629.347.962.860</b>

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

**25. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác**

	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
Cổ tức phải thu	14.915.243.522	4.148.088.000
Lãi phải thu	7.395.807.894	12.038.632.794
Phải thu tiền bán chứng khoán	-	8.302.039.904
Phải thu khác	30.000.000	30.000.000
	22.341.051.416	24.518.760.698

**26. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác**

	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
Phải trả tiền mua chứng khoán	879.817.750	9.043.615.365
Phải trả phí lưu ký	94.672.007	162.689.361
Phải trả phí quản lý danh mục	4.367.015.984	21.386.716.614
Phải trả khác	269.124.835	55.055.674
	5.610.630.576	30.648.077.014

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

**27. Các số dư và giao dịch chủ yếu với bên liên quan**

**(a) Các số dư chủ yếu với bên liên quan**

	Số dư tại ngày	
	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam</b>		
Tiền gửi	107.596.730	4.597.603.855
<b>Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương</b>		
Phải trả phí duy trì tài khoản	13.431.478	47.960.596
<b>Công Ty TNHH Cao Ốc Vietcombank 198</b>		
Đặt cọc thuê văn phòng	428.079.000	428.079.000
<b>Công ty Franklin Templeton Capital Holdings Private Limited</b>		
Phải thu phí quản lý danh mục	1.658.975.799	1.638.549.687
Phải thu phí thường hoạt động	-	3.630.536.691
Phải thu phí tư vấn đầu tư	312.545.455	418.272.727
<b>Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF</b>		
Đầu tư vào chứng chỉ quỹ	14.146.639.985	14.146.639.985
Phải thu phí quản lý quỹ	252.158.402	243.098.495
Phải thu phí hoa hồng	29.298.605	36.088.963
<b>Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF</b>		
Đầu tư vào chứng chỉ quỹ	14.487.999.985	14.487.999.985
Phải thu phí quản lý quỹ	564.617.593	451.114.165
Phải thu phí hoa hồng	77.637.548	69.780.480
<b>Quỹ Đầu Tư trái phiếu VCBF</b>		
Đầu tư vào chứng chỉ quỹ	50.000.000.000	50.000.000.000
Phải thu phí quản lý quỹ	7.122.923	6.362.793
Phải thu phí hoa hồng	12.962.916	7.826.705



**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

**(b) Các giao dịch chủ yếu với bên liên quan**

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
<b>Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF</b>		
Phí quản lý quỹ	1.366.586.744	1.340.720.999
Phí hoa hồng	83.488.678	74.345.963
<b>Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF</b>		
Phí quản lý quỹ	3.083.798.542	2.796.798.384
Phí hoa hồng	219.261.683	131.857.206
<b>Quỹ đầu tư trái phiếu VCBF</b>		
Phí quản lý quỹ	41.151.070	276.917.065
Phí hoa hồng	21.284.952	20.895.991
<b>Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương</b>		
Chi phí duy trì tài khoản	26.317.768	34.639.496
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam</b>		
Phí quản lý cho các hợp đồng ủy thác đầu tư	-	5.252.700.399
Chi phí duy trì tài khoản	98.677.397	162.737.150
Lãi tiền gửi	2.781.435	1.787.029
<b>Công Ty TNHH Cao Ốc Vietcombank 198</b>		
Chi phí thuê văn phòng	998.846.471	958.955.522
<b>Công ty Franklin Templeton Capital Holdings Private Limited</b>		
Phí quản lý cho các hợp đồng ủy thác đầu tư	3.275.191.922	3.110.460.227
Phí tư vấn đầu tư	625.431.819	-
<b>Ban Điều hành</b>		
Tiền lương và thưởng	1.679.661.865	1.160.881.865



**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC*  
*ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

**28. Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tín dụng;
- Rủi ro thanh khoản; và
- Rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Điều hành giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và đánh giá tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro mà Công ty gặp phải.

**(a) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>31/12/2020 VND</b>
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(i)	122.453.048	4.609.828.043
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	(i)	182.951.464.901	171.994.182.684
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	(ii)	5.630.741.094	22.618.182.095
Các khoản phải thu khác	(ii)	7.255.240.429	3.911.626.114
Trái phiếu	(iii)	42.085.216.960	40.000.000.000
		238.045.116.432	243.133.818.936

**(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng**

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính. Ban Điều hành không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**(ii) Các khoản phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác**

Các khoản phải thu chủ yếu bao gồm các khoản phí quản lý phải thu và các khoản phải thu lãi tiền gửi ngân hàng. Rủi ro tín dụng được đánh giá là tương đối nhỏ do đây chủ yếu là các khoản phải thu từ các khoản nhận ủy thác đầu tư, các quỹ do Công ty quản lý và các tổ chức khác.



**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

**(iii) Trái phiếu**

Công ty có khoản đầu tư vào trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức tài chính hoặc tổ chức kinh tế. Ban Điều hành không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản đầu tư này và không cho rằng các tổ chức này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**(b) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

30/6/2021	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Chi phí phải trả	177.166.521	177.166.521	177.166.521
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	6.653.894	6.653.894	6.653.894
	183.820.415	183.820.415	183.820.415
31/12/2020	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả người bán	96.266.000	96.266.000	96.266.000
Chi phí phải trả	4.941.942.704	4.941.942.704	4.941.942.704
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	6.529.613	6.529.613	6.529.613
	5.044.738.317	5.044.738.317	5.044.738.317

**(c) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá chứng khoán sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

**(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Công ty có các khoản tài sản tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	30/6/2021	31/12/2020
	Tương đương VND	Tương đương VND
Tiền và các khoản tương đương tiền bằng USD	10.645.981	13.595.035

Sau đây là những tỷ giá ngoại hối chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	30/6/2021	31/12/2020
USD/VND	22.900	23.005

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần	
	30/6/2021	31/12/2020
USD mạnh thêm 1% so với VND	85.168	108.760

Biến động ngược lại của tỷ giá USD có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2021	31/12/2020
	VND	VND
<i>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</i>		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	122.453.048	4.609.828.043
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	182.951.464.901	171.994.182.684
Trái phiếu	42.085.216.960	40.000.000.000
	225.159.134.909	216.604.010.727

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

**(iii) Rủi ro giá thị trường**

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chi số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, giá thị trường của các khoản đầu tư của Công ty vào các chứng chỉ quỹ là 132.598.306.068 VND (31/12/2020: 115.063.832.006 VND). Nếu giá thị trường của các khoản đầu tư này giảm 10% tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận thuần trong kỳ của Công ty sẽ không thay đổi (nếu giá thị trường của các khoản đầu tư vào các quỹ này giảm 5% tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận thuần trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Công ty sẽ bị giảm đi 143.382.500 VND).

**29. Các yếu tố mang tính thời vụ hoặc chu kỳ**

Kết quả hoạt động của Công ty không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố thời vụ hoặc chu kỳ ngoại trừ khoản mục sau:

**Các quỹ dự trữ**

Công ty trích lập các quỹ dự trữ hàng năm vào thời điểm cuối năm (nếu có).

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Người lập:

Ngô Thị Lệ Quyên  
Kế toán viên

Người kiểm tra:

Nguyễn Băng Tâm  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Vũ Quang Đông  
Tổng Giám đốc Điều hành